

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N - sinh năm: 1989 (*có mặt*).

Địa chỉ: 322, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh H - sinh năm: 1987 (*vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: 183, ấp Đ, xã K, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh H quen biết khoảng 03 tháng thì chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 7 năm 2016, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn do cha mẹ của cả hai bên đều không đồng ý. Sau khi chung sống như vợ chồng, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng

tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh H không lo xây dựng gia đình mà chỉ lo ăn chơi, rượu chè, bản tính hung hăng, côn đồ, đánh đập chị N trong lúc chị N đang mang thai và còn xung đột với gia đình, cha, mẹ, anh, em của chị N, đòi giết cả cha của chị N. Chị N luôn cảm thấy rất lo lắng, bất an khi sống chung với anh H nên từ đầu năm 2019 cho đến nay, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống; trong khoảng thời gian này anh H cũng không tới lui thăm vợ con, cũng không gửi tiền bạc gì để chị nuôi con. Chị N đã rất nhiều lần tạo cơ hội để anh H sửa đổi và cũng nhiều lần khuyên anh H nên lo cho gia đình, vợ con nhưng anh H không nghe và không chịu sửa đổi.

Nay, chị N cảm thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn như xưa. Chị N yêu cầu được ly hôn anh H.

Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị N không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh H; chị N luôn cảm thấy rất lo lắng, bất an khi sống chung với anh H. Chị N yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên A - sinh ngày: 18/9/2017 (*hiện đang sống với chị N*). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh H vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, anh H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Nguyễn Văn H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh H.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu A - sinh ngày: 18/9/2017 (*hiện đang sống với chị N*) cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến nay, chị N và anh H phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị N và anh H đã không

tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị N và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, chị N không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho anh H. Tại phiên tòa, chị N xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh H và có yêu cầu được ly hôn anh H.

Về phía anh H đã biết được việc chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh H, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh H đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh H cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị N nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị N yêu cầu được ly hôn anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; nhưng do chị N và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên A - sinh ngày: 18/9/2017 (*hiện đang sống với chị N*). Xét thấy, hiện cháu A đang có cuộc sống ổn định với chị N, được chị N quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và dành nhiều tình thương cho cháu; hơn nữa hiện cháu dưới 36 tháng tuổi, rất cần được sự chăm sóc, nuôi dạy trực tiếp của chị N. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu A có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu A cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu A. Anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

2. Về nuôi con chung: Chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên A - sinh ngày: 18/9/2017 (hiện đang sống với chị N). Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị N nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp ngày 10/7/2019 theo biên lai thu số 0009788 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

Trần Quốc Danh